# MARKET LENS

**Phiên giao dịch ngày:** *10/2/2020*

| Thống kê thị trường | HOSE | HNX |
|---|---|---|
| Index | 930.73 | 103.97 |
| % Thay đổi | -1.07% | -0.91% |
| KLGD (CP) | 151,372,718 | 44,718,942 |
| GTGD (tỷ đồng) | 2,649.97 | 479.46 |
| Tổng cung (CP) | 335,732,910 | 56,754,500 |
| Tổng cầu (CP) | 344,393,150 | 54,545,800 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|---|---|---|
| KL bán (CP) | 12,340,457 | 2,826,040 |
| KL mua (CP) | 13,914,327 | 2,233,975 |
| GTmua (tỷ đồng) | 415.56 | 53.80 |
| GT bán (tỷ đồng) | 381.21 | 57.15 |
| GT ròng (tỷ đồng) | 34.35 | (3.35) |

**Tương quan cung cầu** HOSE

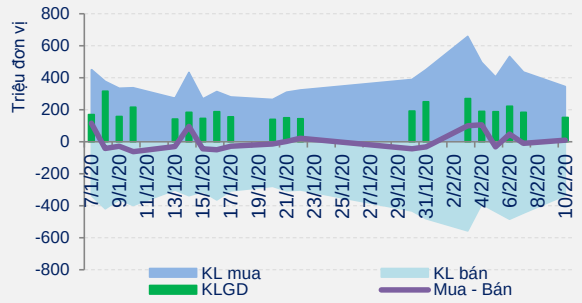


**Giá trị Giao dịch NDTNN** HOSE

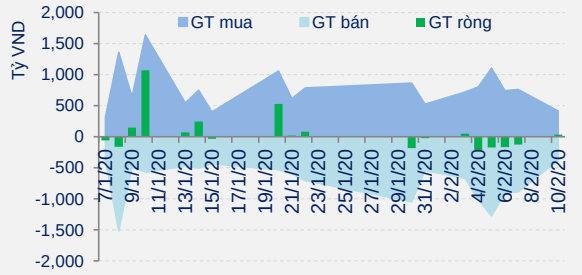


| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---|---|---|---|---|
| Công nghệ Thông tin | -1.14% | 12.3 | 2.3 | 1.6% |
| Công nghiệp | 0.17% | 12.3 | 2.3 | 14.5% |
| Dầu khí | -0.65% | 12.9 | 1.8 | 3.0% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | -1.90% | 17.0 | 4.2 | 5.6% |
| Dược phẩm và Y tế | 2.67% | 13.6 | 2.4 | 1.5% |
| Hàng Tiêu dùng | -0.39% | 16.5 | 4.5 | 10.4% |
| Ngân hàng | -2.16% | 11.7 | 2.4 | 29.2% |
| Nguyên vật liệu | -0.39% | 13.2 | 1.6 | 10.9% |
| Tài chính | -0.97% | 17.8 | 3.9 | 20.6% |
| Tiện ích Cộng đồng | 0.53% | 12.0 | 2.4 | 2.7% |
| VN - Index | -1.07% | 14.5 | 3.4 | 100.5% |
| HNX - Index | -0.91% | 9.1 | 1.5 | -0.5% |

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch đầu tuần diễn ra tiêu cực với mức giảm khá mạnh trên cả hai sàn. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 10,02 điểm (-1,07%) xuống 930,73 điểm; HNX-Index giảm 0,95 điểm (-0,91%) xuống 103,97 điểm. Thanh khoản trên hai sàn suy giảm so với phiên cuối tuần trước và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 3.232 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch là 199 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 736 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 204 mã tăng, 108 mã tham chiếu, 311 mã giảm. VN-Index giảm điểm ngay từ đầu phiên do áp lực bán gia tăng; trong khi đó, bên mua lại không hoạt động tích cực trong phiên hôm nay khiến mức giảm không được thu hẹp một cách đáng kể. Các cổ phiếu trụ cột đồng loạt bị bán và kết phiên dưới ngưỡng tham chiếu, có thể kể đến như BID (-5%), VCB (-1,2%), VHM (-0,9%), VIC (-0,6%), VNM (-1,1%), VRE (-2,8%), VJC (-1,7%), CTG (-1,1%), TCB (-1,4%)... Ở chiều ngược lại, chỉ còn một sô trụ cột là giữ được sắc xanh như GAS (+0,9%), BHN (+4,6%), TCH (+2,3%), TPB (+0,5%)... Nhóm cổ phiếu dược phẩm và y tế thu hút dòng tiền và tăng tốt với DVN (+7,3%), JVC (+6,8%), DCL (+3,7%), IMP (+2,4%), DHT (+2,3%), TRA (+6,9%)...

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường giảm khá mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần với thanh khoản có sự suy giảm xuống dưới mức trung bình 20 phiên cho thấy có khả năng là phiên giảm này chỉ mang tính tâm lý tiêu cực nhất thời, chứ chưa đại diện cho số đông các nhà đầu tư đã bắt đáy trong tuần trước. Điểm tích cực là việc khối ngoại quay trở lại mua ròng trên hai sàn với khoảng hơn 30 tỷ đồng. Tuy nhiên, trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 2 duy trì basis âm với chỉ số cơ sở VN30 là 6,77 điểm cho thấy nhà đầu tư vẫn tiêu cực về xu hướng thị trường. Thị trường hiện đã rơi về vùng tích lũy trong tuần trước trong khoảng 920-940 điểm và có thể sẽ tiếp tục giao dịch với biên độ này trong một vài phiên tới trước khi bứt phá khỏi vùng này trước các tin tức mới. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 11/2, VN-Index có thể sẽ quay trở lại trạng thái giằng co và tích lũy trong khoảng 920-940 điểm nhằm ổn định mặt bằng giá mới. Những nhà đầu tư đã mua vào trong hai phiên đầu tuần trước khi thị trường test vùng hỗ trợ 900-920 điểm (vùng tích lũy đầu 2019) và đã chốt lời một phần khi thị trường test vùng kháng cự 940-950 điểm (cạnh dưới vùng tích lũy tháng 6/2019-cạnh dưới vùng tích lũy cuối năm 2019) trong phiên thứ sáu tuần trước có thể áp dụng chiến lược mua thấp, bán cao (buy low, sell high) với vùng hỗ trợ và kháng cự nêu trên.

# MARKET LENS

**Phiên giao dịch ngày: 10/2/2020**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc đỏ trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay với áp lực bán xuất hiện ngay từ đầu phiên và duy trì cho đến hết phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 926,61 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 10,02 điểm (-1,07%) xuống 930,73 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: BID giảm 2.600 đồng, VCB giảm 1.100 đồng, VHM giảm 800 đồng. Ở chiều ngược lại, GAS tăng 800 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index tăng nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 105,08 điểm. Ngay sau đó, lực cung gia tăng khiến chỉ số giảm xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 103,69 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 0,95 điểm (-0,91%) xuống 103,97 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB giảm 300 đồng, ACB giảm 200 đồng, MBS giảm 1.300 đồng. Ở chiều ngược lại, VCS tăng 1.800 đồng.

## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 34,24 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,6 triệu cổ phiếu. VHM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 22,3 tỷ đồng tương ứng với 259 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 17,2 tỷ đồng tương ứng với 704 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, BID là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 13,8 tỷ đồng tương ứng với 274 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 3,39 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 592 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 7,7 tỷ đồng tương ứng với 479 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là NTP với 2,1 tỷ đồng tương ứng với 74 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 8,4 tỷ đồng tương ứng với 116 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ - ĐẦU TƯ

**UNWTO: Việt Nam đứng top 7 quốc gia tăng trưởng khách du lịch quốc tế cao nhất thế giới**

Ngoài Việt Nam, Myanmar và Philippines cũng là những quốc gia Đông Nam Á trong danh sách có lượng khách quốc tế tăng trưởng cao nhất. Myanmar đứng đầu trong khi Philippines đứng thứ 8.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:

VN-Index giảm điểm khá mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần và chỉ số hiện kết phiên trong vùng tích lũy 920-940 điểm, khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên cuối tuần trước và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với 130 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 955 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 960 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 975 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 11/2, VN-Index có thể sẽ quay trở lại trạng thái giằng co và tích lũy trong khoảng 920-940 điểm nhằm ổn định mặt bằng giá mới.

### HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm khá mạnh trong phiên đầu tuần và chỉ số hiện kết phiên dưới ngưỡng 104 điểm (MA200), khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên cuối tuần trước và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên với 29 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 102,8 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 103,4 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index hiện vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 104,1 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 11/2, HNX-Index có thể quay trở lại trạng thái giằng co và tích lũy quanh ngưỡng 104,1 điểm (MA200) nhằm ổn định mặt bằng giá mới.

| TIN TRONG NƯỚC | |
|---|---|
| **Giá vàng trong nước tăng** | Tại thời điểm 15 giờ, vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức 43,92 - 44,12 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), tăng 200.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 30.000 đồng/lượng ở chiều bán ra. |
| **Tỷ giá trung tâm tăng 10 đồng** | Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 10/2 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.211 VND/USD, tăng 10 đồng so với cuối tuần qua. |
| **TIN THẾ GIỚI** | |
| **Giá vàng thế giới tăng** | Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới tăng 1,65 USD/ounce tương ứng với 0,1% lên 1.575,05 USD/ounce. |
| **Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng** | Tính tới 15 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,009 điểm tương ứng 0,01% lên 98,58 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,0946 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,2883 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 109,83 JPY. |
| **Giá dầu thế giới giảm** | Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,16 USD tương ứng 0,32% xuống 50,16 USD/thùng. |
| **Chứng khoán Mỹ giảm điểm** | Kết thúc phiên giao dịch ngày 7/2, chỉ số Dow Jones giảm 277,26 điểm tương ứng 0,94% xuống 29.102,51 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 51,64 điểm tương ứng 0,54% xuống 9.520,51 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 18,07 điểm tương ứng 0,54% xuống 3.327,71 điểm. |

# THỐNG KÊ GIAO DỊCH

## KLGD và VN-Index trong phiên

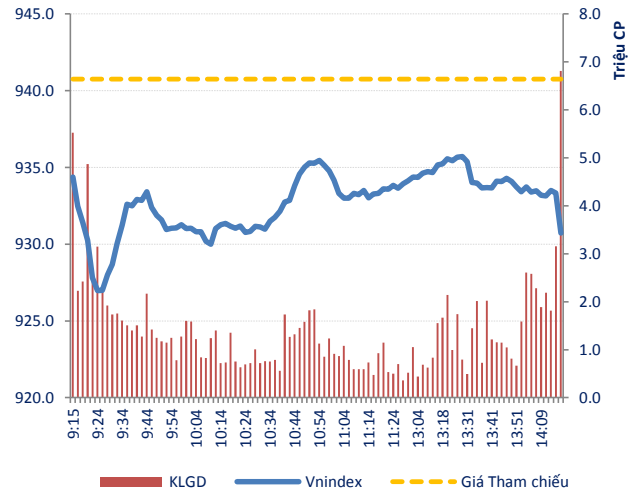


## KLGD và HNX-Index trong phiên

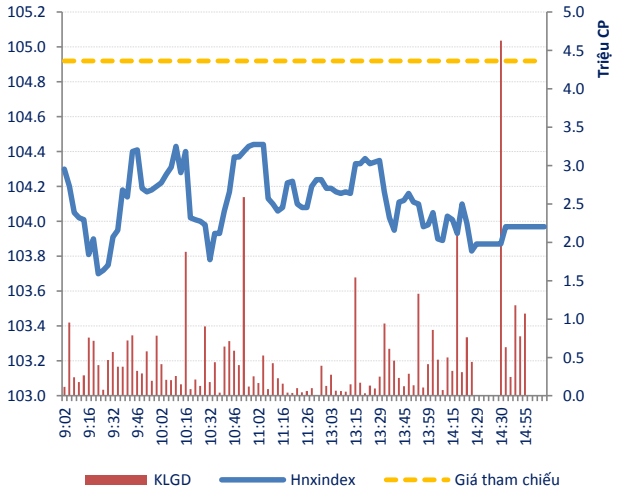


## Biến động giá phân theo nhóm Ngành

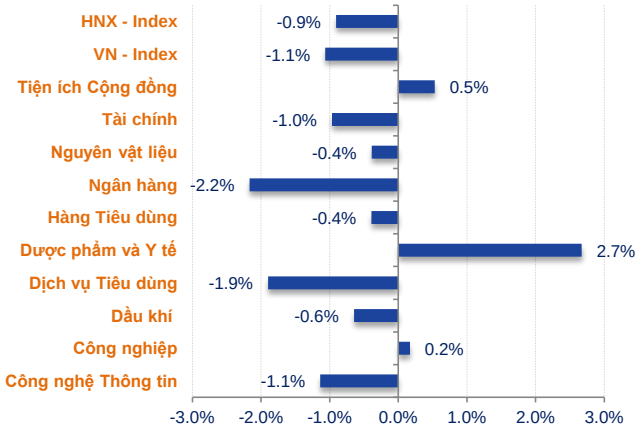


## Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

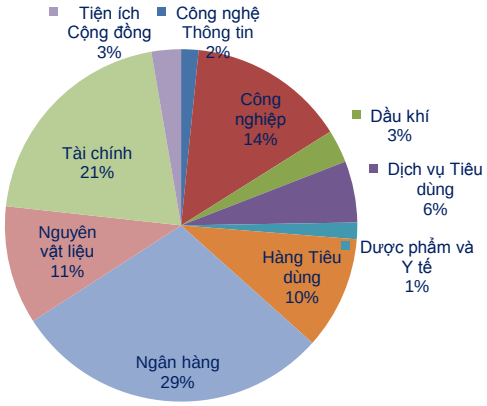


## Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

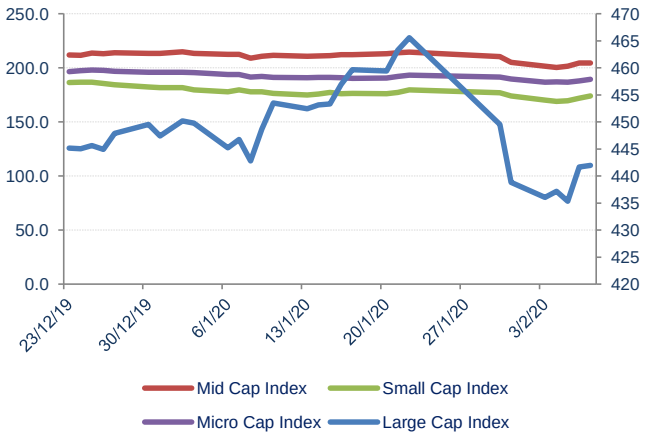


## Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

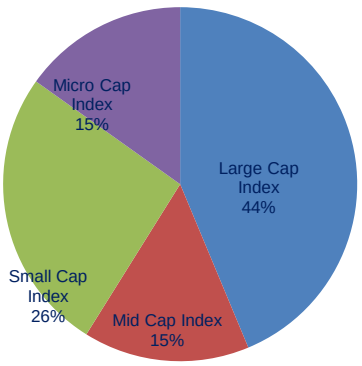


**Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:**

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

## HOSE

### Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | HPG | 704,370 | DIG | 356,510 |
| 2 | STB | 672,740 | BID | 274,180 |
| 3 | PVD | 576,400 | TDM | 273,480 |
| 4 | VHM | 258,650 | POW | 247,930 |
| 5 | DLG | 225,690 | IMP | 214,150 |

### Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|---|---|---|---|---|
| MBB | 21.40 | 21.00 | -1.87% | 7,033,337 |
| ROS | 7.54 | 8.06 | 6.90% | 6,534,820 |
| CTG | 26.90 | 26.60 | -1.12% | 6,287,560 |
| HPG | 24.35 | 24.35 | 0.00% | 5,779,930 |
| STB | 11.15 | 10.95 | -1.79% | 5,335,400 |

### Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|---|---|---|---|---|
| CVIC1903 | 0.83 | 0.89 | 0.06 | 7.23% |
| CROS2001 | 0.14 | 0.15 | 0.01 | 7.14% |
| PGD | 36.45 | 39.00 | 2.55 | 7.00% |
| TCR | 2.86 | 3.06 | 0.20 | 6.99% |
| PTC | 5.02 | 5.37 | 0.35 | 6.97% |

### Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|---|---|---|---|---|
| CVJC1901 | 0.21 | 0.13 | -0.08 | -38.10% |
| CMWG200 | 1.00 | 0.75 | -0.25 | -25.00% |
| CMBB190 | 0.73 | 0.55 | -0.18 | -24.66% |
| CFPT1905 | 3.80 | 3.04 | -0.76 | -20.00% |
| CVNM190 | 1.65 | 1.34 | -0.31 | -18.79% |

## HNX

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | VCS | 116,000 | PVS | 479,400 |
| 2 | NRC | 48,800 | SHB | 190,000 |
| 3 | NBC | 36,000 | NTP | 74,100 |
| 4 | PVC | 20,000 | EID | 41,200 |
| 5 | CEO | 17,500 | NDX | 20,000 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|---|---|---|---|---|
| SHB | 7.10 | 6.80 | -4.23% | 13,355,020 |
| MBS | 13.90 | 12.60 | -9.35% | 5,806,540 |
| ACB | 23.80 | 23.60 | -0.84% | 3,422,765 |
| VIX | 5.50 | 5.50 | 0.00% | 2,770,200 |
| NVB | 9.00 | 9.00 | 0.00% | 2,459,456 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|---|---|---|---|---|
| VIG | 0.70 | 0.80 | 0.10 | 14.29% |
| DST | 0.80 | 0.90 | 0.10 | 12.50% |
| TST | 6.00 | 6.60 | 0.60 | 10.00% |
| KVC | 1.00 | 1.10 | 0.10 | 10.00% |
| SEB | 30.50 | 33.50 | 3.00 | 9.84% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|---|---|---|---|---|
| ACM | 0.70 | 0.60 | -0.10 | -14.29% |
| BII | 0.80 | 0.70 | -0.10 | -12.50% |
| SPI | 1.00 | 0.90 | -0.10 | -10.00% |
| NRC | 9.00 | 8.10 | -0.90 | -10.00% |
| BTW | 57.70 | 52.00 | -5.70 | -9.88% |

*(*) Giá điều chỉnh*

## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| MBB | 7,033,337 | 21.1% | 3,402 | 6.2 | 1.2 |
| ROS | 6,534,820 | 3250.0% | 314 | 25.7 | 0.8 |
| CTG | 6,287,560 | 13.1% | 2,541 | 10.5 | 1.3 |
| HPG | 5,779,930 | 17.0% | 2,719 | 9.0 | 1.4 |
| STB | 5,335,400 | 9.6% | 1,361 | 8.0 | 0.7 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| SHB | 13,355,020 | 14.0% | 1,684 | 4.0 | 0.5 |
| MBS | 5,806,540 | 14.7% | 1,882 | 6.7 | 0.9 |
| ACB | 3,422,765 | 24.6% | 3,685 | 6.4 | 1.4 |
| VIX | 2,770,200 | 9.2% | 1,010 | 5.4 | 0.4 |
| NVB | 2,459,456 | 1.1% | 114 | 78.9 | 0.9 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| CVIC1903 | 7.2% | N/A | N/A | N/A | N/A |
| CROS2003 | 7.1% | N/A | N/A | N/A | N/A |
| PGD | 7.0% | 17.1% | 2,597 | 15.0 | 2.6 |
| TCR | 7.0% | 1.5% | 154 | 19.9 | 0.3 |
| PTC | 7.0% | 30.0% | 3,717 | 1.4 | 0.4 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| VIG | 14.3% | -11.6% | (701) | - | 0.1 |
| DST | 12.5% | 0.1% | 7 | 123.3 | 0.1 |
| TST | 10.0% | 1.2% | 276 | 23.9 | 0.4 |
| KVC | 10.0% | 1.0% | 111 | 9.9 | 0.1 |
| SEB | 9.8% | 21.9% | 3,455 | 9.7 | 2.7 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| HPG | 704,370 | 17.0% | 2,719 | 9.0 | 1.4 |
| STB | 672,740 | 9.6% | 1,361 | 8.0 | 0.7 |
| PVD | 576,400 | 1.4% | 449 | 29.0 | 0.4 |
| VHM | 258,650 | 37.7% | 6,367 | 13.5 | 5.1 |
| DLG | 225,690 | 3.0% | 350 | 5.2 | 0.2 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| VCS | 116,000 | 45.6% | 8,958 | 8.2 | 3.4 |
| NRC | 48,800 | 27.7% | 4,274 | 1.9 | 0.5 |
| NBC | 36,000 | 6.3% | 813 | 8.0 | 0.5 |
| PVC | 20,000 | 2.1% | 380 | 16.1 | 0.4 |
| CEO | 17,500 | 14.6% | 2,176 | 4.0 | 0.7 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| VIC | 384,582 | 6.8% | 2,225 | 51.1 | 5.0 |
| VCB | 329,719 | 25.0% | 4,991 | 17.8 | 3.8 |
| VHM | 283,556 | 37.7% | 6,367 | 13.5 | 5.1 |
| BID | 197,481 | 12.8% | 2,410 | 20.4 | 2.5 |
| VNM | 189,810 | 37.8% | 6,078 | 17.9 | 6.9 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| ACB | 39,094 | 24.6% | 3,685 | 6.4 | 1.4 |
| SHB | 11,936 | 14.0% | 1,684 | 4.0 | 0.5 |
| VCS | 11,776 | 45.6% | 8,958 | 8.2 | 3.4 |
| VCG | 11,087 | 8.7% | 1,555 | 16.1 | 1.6 |
| PVS | 7,695 | 5.8% | 1,529 | 10.5 | 0.7 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| CLG | 5.92 | -62.2% | (5,548) | - | 0.4 |
| AGF | 3.29 | -33.2% | (3,975) | - | 0.3 |
| TSC | 3.18 | 0.1% | 9 | 225.9 | 0.2 |
| MCG | 2.69 | 3.2% | 282 | 6.0 | 0.3 |
| SVI | 2.64 | 35.1% | 11,007 | 5.5 | 1.7 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| MBG | 5.12 | 2.4% | 272 | 61.3 | 1.6 |
| HKB | 3.36 | 0.5% | 41 | 17.1 | 0.1 |
| KVC | 2.71 | 1.0% | 111 | 9.9 | 0.1 |
| CSC | 2.66 | 1.0% | 163 | 209.9 | 2.6 |
| DHP | 2.60 | 7.6% | 1,273 | 7.5 | 0.6 |

**Website: www.shs.com.vn**

*Chịu trách nhiệm nội dung:*

**P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiển**
hien.nth@shs.com.vn

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**
thanh.nk@shs.com.vn

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**
thang.nd@shs.com.vn

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**
Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369

**Chi nhánh Đà Nẵng**
Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung
Q.Thanh Khê, Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779